TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-7-2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Văn La
Ông: Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐXXST-DS ngày 07/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1987 (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 (có mặt)

Đều cư trú: Thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1951 (từ chối tham gia tố tụng)

Nơi cư trú: Thôn K, xã Hc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/12/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Tôi kết hôn với anh L ngày 04/12/2007, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L đã túm tóc đấm đá tôi, dọa sẽ trói chân tay vất về nhà đẻ. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ ngày 06/6/2017. Nay tôi thấy không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức L, sinh ngày 15/3/2009, hiện con đang ở cùng tôi, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay ly hôn tôi có nguyện vọng xin được nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng xây được 01 ngôi nhà 2 tầng trên đất của bố mẹ chồng và đóng được 01 bộ bàn ghế, nay tôi đề nghị Tòa án chia đôi, giao anh L sở hữu nhà và bộ bàn ghế, chia trả tôi chênh lệch bằng tiền để tôi xây nhà ra chỗ khác. Còn đất ở là của bố mẹ chồng, nên tôi không yêu cầu Tòa án phân chia.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L xác nhận một phần lời khai của chị T và trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, quan điểm mỗi người khác nhau, vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau, hiện vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng mọi sinh hoạt đều riêng từ đầu năm 2017. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi đồng ý ly hôn chị T; đồng ý để chị T nuôi con. Về tài sản: Vợ chồng xây được 01 ngôi nhà 2 tầng trên đất của bố mẹ đẻ tôi và đóng được 1 bộ bàn ghế bằng gỗ xà cừ, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Nay quan điểm của tôi là không đề nghị giải quyết về tài sản, mà sau này tôi muốn để cho con sử dụng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T trình bày: Năm 1978 tôi lấy chồng là ông Nguyễn Văn C sinh năm 1951 (chết năm 2012), cùng năm được bố mẹ chồng cắt cho một phần đất để vợ chồng ở như hiện nay và được cấp sổ bìa đỏ ngày 05/3/1995; vợ chồng tôi sinh được 3 người con là Nguyễn Thị H sinh năm 1979 lấy chồng ở thôn Đ, xã Y, huyện Lạng Giang; Nguyễn Văn L1 sinh năm 1982 và Nguyễn Văn L sinh năm 1985. Năm 2003 cháu L1 lấy vợ, năm 2006 gia đình tôi cùng vợ chồng cháu L1 xây dựng ngôi nhà cho vợ chồng cháu ở riêng trên đất của gia đình tôi; năm 2007 cháu L lấy vợ là chị T, năm 2013 gia đình tôi cho vợ chồng cháu L xây dựng ngôi nhà trên đất của gia đình tôi để vợ chồng cháu ở riêng, do kinh tế vợ chồng cháu L khó khăn đến nay vẫn chưa làm hoàn thành nhà. Hiện tại gia đình tôi vẫn chưa cắt chia đất này cho bất kỳ cháu nào. Nay vợ chồng cháu L ly hôn, cháu T đề nghị giao ngôi nhà của vợ chồng cho cháu L sở hữu, vì ngôi nhà này vẫn nằm trên đất của gia đình tôi, thì tôi hoàn toàn đồng ý để cháu L sử dụng nhà này trên đất của gia đình tôi, tôi không có ý kiến thắc mắc gì.

Quá trình giải quyết vụ án, bà thanh từ chối tham gia tố tụng, tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay: Chị T, anh L đều có mặt và trình bày thêm, do nguyện vọng của con muốn ở với anh L, nên chị T và anh L thỏa thuận giao anh L nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chị T được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, hội thẩm nhân dân, chị T trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà T từ chối tham gia tố tụng; tại phiên tòa hôm nay anh L có mặt. Đề nghị HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp Áp dụng Điều 28; 35; 147; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 55; 59; 81; 82;

83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn L.

- Về nuôi con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giao anh Nguyễn Văn L nuôi con chung là Nguyễn Đức L, sinh ngày 15/3/2009, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; chị T được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: Xử giao anh Nguyễn Văn L được sở hữu và sử dụng 01 ngôi nhà ở chiều dài 10m, rộng 4m, diện tích cả 2 tầng là 80m^2, loại nhà khung chịu lực, tường xây cay bê tông; hệ thống cửa, sơn, điện, lan can cầu thang đều chưa có; cùng 01 bộ bàn ghế. Tổng trị giá tài sản là 121.000.000đ. Anh Nguyễn Văn L có trách nhiệm trích chia trả chị Hoàng Thị T 60.500.000đ tiền chênh lệch tài sản vợ chồng.

Anh Nguyễn Văn L phải hoàn trả chị Hoàng Thị T 1.500.000đ tiền chi phí định giá tài sản. Ngoài ra còn đề nghị xử lý án phí và tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/12/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị T, sinh năm 1987, khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985, đều cư trú: Thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; đề nghị Tòa án giải quyết về con chung và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, phạm vi khởi kiện là đề nghị xin được ly hôn, đề nghị giải quyết về con chung và tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn L ngày 04/12/2007, trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hằng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến đánh cãi nhau, không bảo ban được nhau để cùng làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 6/2017. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả chị T, anh L đều thống nhất xin được ly hôn. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Việc thỏa thuận xin được thuận tình ly hôn của các bên là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L, xét là phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh L sinh được 1 chung là Nguyễn Đức L, sinh ngày 15/3/2009, hiện cháu đang ở cùng bố mẹ, khỏe mạnh và phát triển bình thường; nay ly hôn nguyện vọng của cháu là xin được ở với bố, nên chị T và anh L thỏa thuận giao anh L nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chị T được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn. Xét là phù hợp điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về chia tài sản: Quá trình chung sống chị T, anh L có phát triển được khối tài sản gồm:

- 01 ngôi nhà ở chiều dài 10m, rộng 4m, diện tích cả 2 tầng là 80m^2, loại nhà khung chịu lực, tường xây cay bê tông; hệ thống cửa, sơn, điện, lan can cầu thang đều chưa có. Nhà xây trên thửa đất số 834, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.230m^2, đã được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành E 0564392, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất 19480/QSDĐ ngày 05/3/1995 mang tên người sử dụng là ông Nguyễn Văn C tại thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, trị giá ngôi nhà là 120.000.000đ.

- 01 bộ bàn ghế trị giá 1.000.000đ. Ngoài ra còn một số tài sản lặt vặt khác không đề nghị định giá, phân chia. Tổng trị giá tài sản vợ chồng phát triển được là 121.000.000đ.

Nay chị T đề nghị Tòa án phân chia 01 ngôi nhà và 01 bộ bàn ghế nêu trên mỗi người được hưởng trị giá ½; giao anh L được sở hữu ngôi nhà và bộ bàn ghế, anh L có trách nhiệm trích chia trả chị chênh lệch tài sản bằng tiền, ngoài ra chị không đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản nào khác. Phía anh L xác nhận 01 ngôi nhà và 01 bộ bàn ghế này là tài sản của vợ chồng nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết mà muốn để lại sau này cho con. HĐXX xét thấy đề nghị của chị T là có căn cứ, vợ chồng đều có công sức đóng góp như nhau vào việc tạo lập, phát triển khối tài sản, do vậy nay ly hôn cần chia đôi trên cơ sở chia bằng hiện vật phần chênh lệch sẽ được trích trả bằng tiền, giao anh L được sở hữu sử dụng ngôi nhà và bộ bàn ghế, có trách nhiệm trích chia trả chị T 60.500.000đ tiền chênh lệch trị giá tài sản vợ chồng, xét là phù hợp Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về chi phí định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án chị T đã nộp 5.000.000đ tiền chi phí định giá tài sản, hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự huyện Lạng Giang đã chi phí hết 3.000.000đ, đã hoàn trả lại chị Thúy 2.000.000đ. Nay xác định tài sản chị T yêu cầu định giá đều là tài sản vợ chồng để phân chia khi ly hôn, do vậy cần buộc anh L phải hoàn trả lại chị T 1.500.000đ tiền chi phí định giá tài sản.

[2.4] Về án phí: Khi thụ lý vụ án, ngày 11/12/2017 gia đình chị T, anh L thuộc diện hộ cận nghèo, nên Tòa án đã miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị T; Năm 2018 gia đình chị T, anh L không còn thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo;

nên cần buộc chị T, anh L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng Điều 28; 35; 147; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 55; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn L.

2/ Về nuôi con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giao anh Nguyễn Văn L nuôi con chung là Nguyễn Đức L, sinh ngày 15/3/2009, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; chị T được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3/ Về chia tài sản: Xử giao anh Nguyễn Văn L được sở hữu và sử dụng 01 ngôi nhà ở chiều dài 10m, rộng 4m, diện tích cả 2 tầng là 80m^2, loại nhà khung chịu lực, tường xây cay bê tông; hệ thống cửa, sơn, điện, lan can cầu thang đều chưa có; cùng 01 bộ bàn ghế. Tổng trị giá tài sản là 121.000.000đ. Anh Nguyễn Văn L có trách nhiệm trích chia trả chị Hoàng Thị T 60.500.000đ tiền chênh lệch tài sản vợ chồng. (Ngôi nhà xây trên thửa đất số 834, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.230m^2, đã được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành E 0564392, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất 19480/QSDĐ ngày 05/3/1995 mang tên người sử dụng là ông Nguyễn Văn C tại thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang).

Anh Nguyễn Văn L phải hoàn trả chị Hoàng Thị T 1.500.000đ tiền chi phí định giá tài sản.

2/ Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 3.025.000đ tiền án phí chia tài sản. Anh Nguyễn Văn L phải chịu 3.025.000đ tiền án phí chia tài sản.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong thì phải chịu lãi xuất theo mức lãi xuất 10%/ 1 năm đối với khoản tiền chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:
- **TAND tỉnh Bắc Giang.**
- **VKSND huyện Lạng Giang**
- **Chi cục THA huyện Lạng Giang**
- **UBND xã H, huyện Lạng Giang**
- **Các đương sự**
- **Lưu**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Thân Trọng Khôi